

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày 16-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quyết Thắng;

Thẩm phán: Ông Phùng Lâm Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Lai;

2. Ông Đặng Tiến Dũng;

3. Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 71/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84 /2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Tuấn M** - Tên gọi khác: Không – Giới tính: Nam. Sinh ngày 20/11/1988 tại huyện Cẩm K, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ĐKKHKT: Khu Sơn H, thị trấn Cẩm K, huyện Cẩm K, tỉnh Phú Thọ. Nơi ở: Tổ dân phố Nậm Sắt B, thị trấn Bắc H, huyện Bắc H, tỉnh Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt.

Bố đẻ: Nguyễn Quang T, sinh năm 1953; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1965. Hiện ở Khu Sơn H, thị trấn Cẩm K, huyện Cẩm K, tỉnh Phú Thọ. Bị cáo có vợ là Nguyễn Huy Thanh H, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/6/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Lê Trường S – Luật sư Công ty Luật hợp danh T Vỹ, Đoàn luật sư tỉnh Lào Cai. Có mặt

- *Các Bị hại:*

+ Ông Nguyễn Khắc Đ. Địa chỉ: Tổ dân phố Phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn H. Địa chỉ: Tổ dân Phố Na C, thị trấn Bắc H, huyện Bắc H, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thúy N. Địa chỉ: Tổ dân phố Bắc Hà B, thị trấn Bắc H, huyện Bắc H, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Bà Vũ Thị T. Địa chỉ: Số nhà 394 đường Trần P, phường Bắc C, thành phố Lào C, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Vũ Việt C. Địa chỉ: Tổ dân phố Na Quang K, thị trấn Bắc H, huyện Bắc H, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

+ Ông Trương Việt D. Địa chỉ: Thôn Khê Ngoại 3, xã Văn Khê, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Huy Thanh H. Địa chỉ: Tổ dân phố Nậm Sắt B, thị trấn Bắc H, huyện Bắc H, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

+ Bà Lê Thị Ngọc A. Địa chỉ: Tổ dân phố Na Quang K, thị trấn Bắc H, huyện Bắc H, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- *Những người làm chứng*

+ Ông Trần Văn M. Địa chỉ: Tổ 48 phường Vĩnh H, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Ông Vũ Văn T. Địa chỉ: Tổ dân phố Nậm Sắt L, thị trấn Bắc H, huyện Bắc H, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Ông Lê Văn H. Địa chỉ: Tổ dân phố Phú Cường T, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo T, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Bà Ngân Thị N. Địa chỉ: Tổ dân Phố Na C, thị trấn Bắc H, huyện Bắc H, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thanh M. Địa chỉ: Tổ dân phố Phú Thịnh G, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo T, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu năm 2020 đến cuối năm 2022, do làm ăn thua lỗ trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản nên Nguyễn Tuấn M đã nảy sinh ý định thuê làm giả tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Năm 2022, Nguyễn Tuấn M có tư vấn cho anh Trần Văn M mua thửa đất số 15, tờ bản đồ số 25, diện tích 268,1m² địa chỉ ở tổ dân phố Nậm Sắt L, thị trấn Bắc H, huyện Bắc H, tỉnh Lào Cai của chị Lê Thu H. Sau khi mua thửa đất, ngày 31/3/2022 vợ chồng anh Trần Văn M (vợ là chị Nguyễn Thu T) có làm Hợp đồng ủy quyền cho Nguyễn Tuấn M thay mặt anh chị M – T liên hệ, làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký sang tên quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên mang tên ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thu T theo quy định, Hợp đồng ủy quyền có công chứng của Văn phòng công chứng

Nguyễn Lâm, thành phố Hà Nội. Sau khi hoàn thành thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở (GCNQSDĐ) và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thu T số DG 831198 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 29/7/2022 thì Nguyễn Tuấn M giữ lại GCNQSDĐ. Đến ngày 28/02/2023 Nguyễn Tuấn M đã sử dụng GCNQSDĐ số DG 831198 và tự sửa nội dung của Hợp đồng ủy quyền ngày 31/03/2022 của vợ chồng anh chị M - T nêu trên để vay tiền số tiền 01 tỷ đồng và làm Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với chị Nguyễn Thúy N, giá bán thửa đất là 6.000.000.000 đồng, chị N đặt cọc trước cho M bằng hình thức chuyển khoản 1.000.000.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền này M đã sử dụng để trả nợ ngân hàng và nhiều người khác. Đến đầu tháng 5/2023, anh Trần Văn M yêu cầu M đưa lại GCNQSDĐ nên M đã lên mạng xã hội Facebook đặt làm giả 01 GCNQSDĐ số DG 831198 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 29/7/2022 mang tên ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thu T. Sau khi nhận được GCNQSDĐ giả này, M đã lên gặp chị N mượn lại GCNQSDĐ thật rồi đánh tráo đưa 01 GCNQSDĐ giả cho chị N. GCNQSDĐ thật M mang về trả lại cho anh Trần Văn M.

Quá trình điều tra chị N giao nộp 01 GCNQSDĐ số DG 831198 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 27/9/2022. Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định. Tại bản Kết luận giám định số 28/GĐTL-PC09 ngày 30/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (tài liệu ký hiệu A3) là giả.

Vụ thứ hai: Ngày 15/5/2023, Nguyễn Tuấn M đã sử dụng GCNQSDĐ đất của mình được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp số DL 408048 ngày 12/5/2023 đối với thửa đất số 490, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: thôn Sơn Mãn 2, xã Vạn Hòa, thành phố Lào C, tỉnh Lào Cai để làm hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất với chị Vũ Thị T, chị T đã chuyển khoản tiền đặt cọc cho M là 1.500.000.000 đồng. Sau khi làm thủ tục đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với mảnh đất này thì vào khoảng cuối tháng 5/2023, M đã lên Facebook đặt làm thêm 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (trong đó: 03 cái mang tên Nguyễn Tuấn M, cụ thể: 02 cái số DL 408048 cấp ngày 12/5/2023 và 01 cái số DG 844573 cấp ngày 10/12/2022 và 02 cái mang tên Trần Văn M – Nguyễn Thu T số DG 831198 cấp ngày 27/9/2022) và tự sửa nội dung rồi đặt làm 01 Hợp đồng ủy quyền có công chứng. Thời điểm này M tìm được người mua mảnh đất này là anh Trương Việt D với giá 1.500.000.000 đồng nên M đã lấy lý do thay đổi căn cước công dân để lấy lại GCNQSDĐ thật trên từ chị T rồi đánh tráo đưa cho chị T một GCNQSDĐ giả. Sau khi lấy lại được GCNQSDĐ thật, ngày 01/6/2023, M đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng cho anh Trương Việt D và đã nhận từ anh D 1.500.000.000 đồng. Sau khi hoàn thiện các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất với anh D, M đã cầm lại GCNQSDĐ này làm thủ tục đăng ký biến động từ chứng M thư sang căn cước công dân và thay đổi địa chỉ

nơi cư trú. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất số DL 408048 và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới số DL 415793, ngày 16/6/2023 cho M và ngày 20/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo T đã tạm giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Quá trình điều tra chị T giao nộp 01 GCNQSDĐ số DL 408048 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 12/5/2023. Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định. Tại bản Kết luận giám định số 30/KLTL-PC09 ngày 06/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 408048 (tài liệu ký hiệu A) là giả.

Vụ thứ ba: Ngày 14/6/2023, M tiếp tục sử dụng một GCNQSDĐ giả số DL408048 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 12/5/2023 mang tên Nguyễn Tuấn M để làm hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng thửa đất trên giá 900.000.000 đồng cho anh Nguyễn Khắc Đ, sau khi hoàn tất hợp đồng đặt cọc, anh Đình đã chuyển khoản cho M số tiền 300.000.000 đồng. Số tiền này M đã sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra anh Đình giao nộp 01 GCNQSDĐ số DL 408048 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 12/5/2023. Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định. Tại bản Kết luận giám định số 28/GĐTL-PC09 ngày 30/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (tài liệu ký hiệu A2) là giả.

Vụ thứ 4: Ngày 18/4/2023, M làm một Hợp đồng ủy quyền giả bằng cách sửa lại nội dung Hợp đồng ủy quyền gốc ngày 31/03/2022 của vợ chồng anh chị M - T ủy quyền cho Nguyễn Tuấn M làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất. Nội dung sửa lại bản gốc từ: “...M được đại diện lập và ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Tổ dân phố Nậm Sắt L, thị trấn Bắc H, huyện Bắc H, tỉnh Lào Cai; Liên hệ, làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập, kê khai, nộp hồ sơ; Thực hiện nghĩa vụ tài chính liên quan đến việc đăng ký sang tên quyền sử dụng đất nêu trên; Nhận và bàn giao lại cho bên ủy quyền Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ...” thành: “...được toàn quyền sử dụng, định đoạt...” rồi mang ra UBND xã Na Hối, huyện Bắc H sao ra một bản để sử dụng, còn bản chính M đã hủy bỏ. Ngày 15/6/2023, tại Văn phòng giao dịch bất động sản Siêu Nhân Việt TMT – Bắc Hà, M sử dụng tiếp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thu T số DG 831198 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 27/9/2022 do M đã lên mạng xã hội Facebook đặt làm giả vào cuối tháng 5/2023 và bản sao Hợp đồng ủy quyền nói trên để làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn H với giá 2 tỷ đồng, Hải đã nhờ vợ là Ngân Thị N (sinh năm 1987) chuyển khoản số tiền 1.200.000.000 đồng cho M. Sau khi có được số tiền này M đã sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra anh Hải giao nộp 01 GCNQSDĐ số DG 831198 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 29/7/2022 và 01 Hợp đồng ủy quyền có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Na Hối (*bản phô tô*). Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định.

- Tại bản Kết luận giám định số 28/GĐTL-PC09 ngày 30/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (tài liệu ký hiệu A4) là giả.

- Tại Biên bản làm việc ngày 09/10/2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai xác định:... do Hợp đồng ủy quyền là bản photocopy nên Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai không tiếp nhận để tiến hành giám định theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Ngoài hành vi sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa đảo chiếm đoạt tiền của 04 bị hại trên, M còn có hành vi:

* Đối với anh Vũ Việt C: Do trước đó M nhiều lần vay tiền của anh Vũ Việt C để đầu tư bất động sản với số tiền vay lên đến 3 tỷ đồng. Ngày 19/6/2023, M tiếp tục sử dụng một GCNQSDĐ giả số DG 844573 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 10/12/2022 mang tên Nguyễn Tuấn M để làm Hợp đồng đặt cọc bán thửa đất trên cho anh Cường với giá 7 tỷ đồng, anh Cường đặt cọc trước cho M số tiền 1 tỷ đồng. Tuy nhiên, Cường chưa kịp chuyển tiền thì ngày 20/6/2023 M bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Bảo T bắt giữ.

Quá trình điều tra anh Cường đã giao nộp 01 GCNQSDĐ số DG 844573 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 10/12/2022. Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định. Tại bản Kết luận giám định số 28/GĐTL-PC09 ngày 30/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (tài liệu ký hiệu A1) là giả.

* Đối với anh Trương Việt D: Ngày 20/6/2023, M tiếp tục sử dụng GCNQSDĐ số DG 831198 được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 29/7/2022 mang tên ông, bà Trần Văn M - Nguyễn Thu T và một bản Hợp đồng ủy quyền giữa Trần Văn M, Nguyễn Thu T với Nguyễn Tuấn M ngày 13/6/2023 do M đã lên mạng xã hội Facebook đặt làm giả vào cuối tháng 5/2023 để làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh D để lấy số tiền 500.000.000 đồng. Trong lúc Dũng và M đang làm thủ tục công chứng thì Văn phòng Công chứng Lê Văn H phát hiện các tài liệu trên giả nên đã báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo T giải quyết.

Quá trình điều tra anh D đã giao nộp 01 GCNQSDĐ số DG 831198 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 29/7/2022 và 01 bản Hợp đồng ủy quyền có công chứng. Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định.

- Tại bản Kết luận giám định số 27/GĐTL-PC09 ngày 22/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (tài liệu ký hiệu A) là giả.

- Tại bản Kết luận giám định số 60/KL-GĐĐV ngày 30/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, kết luận:

+ Dấu vết đường vân dưới mục “Bên A”, cạnh phía bên trái chữ ký, chữ viết “*Trần Văn M*” trên Hợp đồng ủy quyền và dấu vết đường vân ô ngón giữa trái trên chỉ bản số 107, họ tên Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 20/11/1988, nơi cư trú: khu Sơn H – TT Cẩm K – Cẩm K – Phú Thọ là của cùng một người in ra.

+ Dấu vết đường vân dưới mục “Bên A”, cạnh phía bên trái chữ ký, chữ viết “*Nguyễn Thu T*” trên Hợp đồng ủy quyền và dấu vết đường vân ô ngón nhẫn trái trên chỉ bản số 107, họ tên Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 20/11/1988, nơi cư trú: khu Sơn H – TT Cẩm K – Cẩm K – Phú Thọ là của cùng một người in ra.

+ Dấu vết đường vân dưới mục “Bên B”, cạnh phía bên trái chữ ký, chữ viết “*Nguyễn Tuấn M*” trên Hợp đồng ủy quyền và dấu vết đường vân ô ngón trỏ phải trên chỉ bản số 107, họ tên Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 20/11/1988, nơi cư trú: khu Sơn H – TT Cẩm K – Cẩm K – Phú Thọ là của cùng một người in ra.

- Tại bản Kết luận giám định số 29/KLTL-PC09 ngày 30/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, kết luận: 01 (một) Hợp đồng ủy quyền giữa Bên ủy quyền (Bên A): ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thu T; Bên được ủy quyền (Bên B): ông Nguyễn Tuấn M. Nội dung ủy quyền: Bên A là chủ sử dụng hợp pháp tài sản. Hợp đồng gồm 04 trang đánh máy có chứng thực của Công chứng viên thuộc Văn phòng Công chứng số 1, thành phố Hà Nội; Địa chỉ: 310P. Bà Triệu, Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Chứng thực ngày 13/6/2023, số công chứng: 3401, Quyền số 06/2023.TP/CC-SCC/HĐGD (Tài liệu được ký hiệu A).

Hình dấu tròn có nội dung “SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HÀ NỘI- PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 1” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M không do cùng một con dấu đóng ra.

Bản cáo trạng số 68/CT-VKST-P2 ngày 28/11/2023 của VKSND tỉnh Lào Cai truy tố Nguyễn Tuấn M về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và khoản 1; điểm a, b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Tuấn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai căn cứ Điều 285 BLTTHS, rút một phần cáo trạng về việc truy tố Nguyễn Tuấn M về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*”, theo khoản 1; điểm a khoản 3 Điều 341 BLHS và giữ nguyên quan điểm truy tố về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Tuấn M từ 13 năm 06 tháng đến 15 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s, v khoản 1,2 Điều 51

Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Tuấn M từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Tuấn M phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 17 năm đến 20 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt. Xử lý vật chứng, tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai về tội danh. Tuy nhiên, mức hình phạt do đại diện Viện kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51; 54 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Tuấn M 12 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 năm tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Tuấn M phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 15 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị hại Vũ Thị T có mặt tại phiên tòa và bị hại Nguyễn Khắc Đ có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Tuấn M theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, Các bị hại yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền, cụ thể: Chị Nguyễn Thúy N yêu cầu trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng; chị Vũ Thị T yêu cầu trả lại số tiền 1.500.000.000 đồng; anh Nguyễn Khắc Đ yêu cầu trả lại số tiền 300.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn H yêu cầu trả lại số tiền 1.200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tuấn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo M đều thừa nhận là do làm ăn thua lỗ, không còn khả năng thanh toán các khoản nợ nên đã có ý định lừa đảo để chiếm đoạt tiền của các bị hại trước khi thực hiện việc vay tiền, làm Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng đất cũng như đặt làm giả các tài liệu, giấy

tờ để lấy tiền thanh toán các khoản nợ đã đến hạn và chi tiêu cá nhân. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định:

Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Trong thời gian từ tháng 02/2023 đến tháng 6/2023, bị cáo Nguyễn Tuấn M đã dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại, cụ thể như sau: Ngày 28/02/2023 M vay của chị Nguyễn Thúy N số tiền 01 tỷ đồng, để tạo niềm tin khi vay tiền thì M đã lập Hợp đồng đặt cọc v/v chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị N thửa đất số 15 tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại Tổ dân phố Nậm Sắt L, thị trấn Bắc H, tỉnh Lào Cai của anh Trần Văn M và chị Nguyễn Thu T, và việc này anh M và chị T hoàn toàn không biết và cũng không có văn bản ủy quyền cho bị cáo được quyền chuyển nhượng diện tích đất này. Ngoài ra cũng bằng các thủ đoạn gian dối khác để chiếm đoạt của chị Vũ Thị T 1.500.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh Nguyễn Khắc Đ 300.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn H 1.200.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà M chiếm đoạt của các bị hại là **4.000.000.000** đồng.

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung là “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi sử dụng GCNQSDĐ và Hợp đồng ủy quyền giả để lập hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng đất: Trong các ngày 19-20/6/2023 bị cáo M đã sử dụng GCNQSDĐ và Hợp đồng ủy quyền giả để thực hiện hành vi chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, do bị phát hiện nên bị cáo chưa nhận được tiền của anh Cường và anh D. Tại Cáo trạng số 68/CT-VKST-P2 ngày 28/11/2023 của VKSND tỉnh Lào Cai đã quyết định truy tố Nguyễn Tuấn M về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai rút một phần cáo trạng về việc truy tố Nguyễn Tuấn M về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*”.

Xét việc rút một phần cáo trạng về việc truy tố Nguyễn Tuấn M về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai: Hội đồng xét xử xét thấy, tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” là hai tội độc lập. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ căn cứ để khẳng định Nguyễn Tuấn M đã có hành vi nhờ người khác làm giả GCNQSDĐ và Hợp đồng ủy quyền, sau đó sử dụng các tài liệu giả đó để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó, hành vi của Nguyễn Tuấn M đã cấu thành tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai rút một phần cáo trạng truy tố M về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” là có căn cứ.

Xét thấy, Nguyễn Tuấn M đã sử dụng các tài liệu giả để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 4 tỷ đồng, thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” với tình tiết định khung “*Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

[3] Về hình phạt

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ đồng thời xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, tổ chức và cá nhân gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang trong dư luận. Vì vậy, cần phải đưa bị cáo ra xử lý nghiêm M trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét thấy, mặc dù bị cáo Nguyễn Tuấn M có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo đã 06 lần thực hiện hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, trong đó có 04 lần đã lừa đảo chiếm đoạt được tài sản của các bị hại nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và trong quá trình công tác bị cáo đã nhiều năm có thành tích xuất sắc được tặng Bằng khen. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, xét thấy bản thân bị cáo được chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh kinh tế khó khăn, các con còn nhỏ, bố mẹ già yếu và bị cáo được 02 trong số 04 bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Từ các căn cứ đó HĐXX đã giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Đối với quan điểm của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo M 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là nhẹ. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đề nghị xử phạt bị cáo cả hai tội là từ 17 năm đến 20 năm tù là nặng, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên không được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với các đối tượng mà bị cáo thuê làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng ủy quyền, quá trình điều tra bị cáo không cung cấp được thông tin cụ thể của đối tượng nên cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị hại chị Nguyễn Thúy N, chị Vũ Thị T, anh Nguyễn Khắc Đ và anh Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền là 04 tỷ đồng.

Xét thấy, yêu cầu bồi thường của các bị hại là chính đáng. Vì vậy, cần buộc bị cáo M phải bồi thường cho chị Nguyễn Thúy N số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*); cho chị Vũ Thị T số tiền 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*); cho anh Nguyễn Khắc Đ số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*); cho anh Nguyễn Văn H số tiền 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*).

[5] Về vật chứng

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy Z Fold4 màu đen, có gắn sim viettel, đã qua sử dụng, có số IMEL1: 352908911005492; IMEL2: 358482311005498.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 ProMax màu tím, có gắn sim viettel, đã qua sử dụng, có số IMEL1: 358686328914480; IMEL2: 358686328870781.

Đây là công cụ, phương tiện mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[6] Về án phí: Do bị cáo bị kết án và phải bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn M phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn M 13 (Mười ba) năm về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn M 03 (ba) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Tuấn M phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/6/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo M phải bồi thường cho chị Nguyễn Thúy N số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*); cho chị Vũ Thị T số tiền 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*); cho anh Nguyễn Khắc Đ số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*); cho anh Nguyễn Văn H số tiền 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 46, 47 Bộ luật hình sự:

*** Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:**

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy Z Fold4 màu đen, có gắn sim viettel, đã qua sử dụng, có số IMEL1: 352908911005492; IMEL2: 358482311005498.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 ProMax màu tím, có gắn sim viettel, đã qua sử dụng, có số IMEL1: 358686328914480; IMEL2: 358686328870781.

(Các vật chứng được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng số 11 ngày 28/11/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai với Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai)

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn M phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 112.000.000 đồng (*Một trăm mười hai triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CQCSĐT Công an tỉnh;
- CQTHAHS Công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Lào Cai;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- THA Tòa án 04;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Quyết Thắng